

Lịch sử phát triển chế độ tỷ giá hối đoái trên thế giới cho đến nay có thể chia làm 3 giai đoạn.

Đầu tiên, đó là chế độ bản vị vàng, tức lấy vàng làm bản vị. Ngày 22.12.1917, ngài Isaac Newton đã ấn định giá vàng ở mức 3 pound, 17 shilling, 10,5 xu cho 1 ounce. Cho tới thế chiến thứ 1, nước Anh sau đó dựa theo định mức vàng và tiên phong trong việc đổi vàng thành tiền hoặc ngược lại. Với chế độ này, các nước ấn định một số tiền cố định cho mỗi ounce vàng. Tỷ giá trao đổi đối với bất kỳ 2 loại tiền theo bản vị vàng là so sánh số đơn vị cho mỗi ounce từ nước này sang nước khác. Trong chế độ bản vị vàng thì biên độ giao động của tỷ giá, gọi là điểm vàng, bằng ngang giá vàng cộng hoặc trừ chi phí vận chuyển vàng giữa các nước. Những gánh nặng về tài chính của thế chiến thứ 1 buộc Anh phải bán phần lớn vàng dự trữ của họ và bản vị vàng chấm dứt từ đó.

Chế độ tỷ giá cố định Bretton Woods năm 1944: Bretton Woods, là một tỉnh thuộc New Hampshire, nơi

các đại diện ngân hàng trung ương của phe Đồng minh và Anh, Mỹ gặp gỡ nhau cuối năm 1944. Họ đã thiết lập IMF, WB và bản vị vàng hối đoái. Theo chế độ này, tỷ giá chính thức giữa đồng tiền của các nước thành viên được hình thành trên cơ sở so sánh hàm lượng vàng của USD (1 USD = 0,88671 gram vàng nguyên chất). Các tỷ giá này chỉ được phép giao động trong biên độ 1% của tỷ giá chính thức đã được đăng ký tại IMF. Tại thời điểm đó, một ounce vàng được thỏa thuận bằng 35 USD, giá trị trung bình của đồng bảng Anh là 2,4 USD, FRF là 0,18 USD và DM là 0,2732 USD. Trong trường hợp tỷ giá vượt quá biên độ 1% thì ngân hàng trung ương phải can thiệp bằng cách mua vào hoặc bán ra một lượng USD nhất định.

Từ năm 1958 đến 1961, sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán của Mỹ lên đến 56 tỷ USD, lượng vàng dự trữ giảm từ 24,8 tỷ USD xuống còn 12,2 tỷ USD, nợ nước ngoài tăng từ 13,6 tỷ USD lên đến 62,2 tỷ USD.

Sự mất giá của đồng USD làm cho nạn đầu cơ tiền tệ trên thị trường

quốc tế tăng lên. Hàng tỷ USD đã được tung ra trên thị trường để mua các đồng tiền được giá. Các ngân hàng trung ương của các nước thành viên IMF cũng không đủ sức can thiệp để giữ đồng USD theo nguyên tắc tỷ giá cố định Bretton Woods. Trong bối cảnh đó, ngày 15.8.1971, Tổng thống Mỹ Nixon cùng Bộ trưởng ngân khố John Connally đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ không đổi vàng để lấy USD từ các ngân hàng trung ương nước ngoài nữa. Cú sốc này đã khiến cho thị trường hối đoái phải đóng cửa vài ngày. Khi mở cửa trở lại, giá trị 1 ounce vàng = 35 USD trở nên vô nghĩa bởi vì Mỹ sẽ không còn đổi vàng của mình để lấy USD nữa, tiêu chuẩn trao đổi vàng cũng chấm dứt, kéo theo sự sụp đổ của chế độ tỷ giá cố định Bretton Woods.

Chế độ tỷ giá thả nổi ra đời ngay sau khi chế độ tỷ giá cố định Bretton Woods sụp đổ. Với chế độ tỷ giá thả nổi này, tỷ giá được hình thành trên cơ sở diễn biến cung cầu ngoại hối trong nền kinh tế, không do chính phủ quy định, mặc dù chính phủ có can thiệp.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Thạc sĩ NGUYỄN TUẤN QUỲNH



Chế độ tỷ giá thả nổi bao gồm thả nổi tỷ giá và thả nổi được quản lý.

Thả nổi tỷ giá: tỷ giá thị trường tự do được xác định trên cơ sở cung cầu tiền tệ. Bị tác động bởi thay đổi mức giá, các mức lãi suất khác nhau và tăng trưởng kinh tế.

Thả nổi được quản lý - hay còn gọi là *thả nổi bán*: phần lớn các quốc gia với tiền tệ thả nổi đã thông qua sự can thiệp của NHTW để can thiệp sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Có 3 phương pháp:

Giải quyết các giao động hàng ngày: Chính phủ cố gắng duy trì một hình thức trật tự của các thay đổi tỷ giá. Chính sự tham gia vào thị trường với vai trò của người bán hoặc người mua để dự đoán lợi cho việc chuyển biến từ một tỷ giá này sang một tỷ giá khác.

Dựa vào giá: chính sách cấp thời được xây dựng để trung hòa hoặc ngăn cản các giao động ngắn và trung hạn xảy ra đột ngột do các sự kiện ngẫu nhiên gây ra và các tác động của nó được dự đoán chỉ tạm thời. Vấn đề cơ bản của chính sách này là làm chậm hơn và chống lại các điều chỉnh tỷ giá quan trọng mà sự can thiệp của chính phủ có thể làm giảm tính bất ổn cho các nhà xuất nhập khẩu.

Ghim giá không chính thức: gọi nhớ một hệ thống tỷ giá cố định. Nó bao gồm việc chống lại các thay đổi tỷ giá tăng, giảm không liên quan đến áp lực thị trường.

Trong những năm qua chế độ tỷ giá ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi, từ một chế độ đa tỷ giá, bao gồm: tỷ giá kết toán nội bộ (áp dụng cho hàng hóa xuất nhập khẩu) tỷ giá chính thức (áp dụng cho trao đổi phi mậu dịch) tỷ giá kiều hối.... Đầu năm 1989 đã được thống nhất thành một loại tỷ giá duy nhất áp dụng cho mọi loại hình trao đổi. Phương pháp xây dựng tỷ giá cũng được đổi mới, trước đây tỷ giá chính thức được xây dựng trên cơ sở "đồng sức mua" (PPP) bằng việc lập ra một rổ hàng hóa tiêu dùng qua đó so sánh giá cả trong và ngoài nước để từ đó xác định tỷ giá. Việc xây dựng tỷ giá bằng phương pháp này thiếu chính xác và không phản ánh đúng mức được tình hình thị trường.

Năm 1989, phương pháp "đồng sức mua" được loại bỏ thay vào đó, Ngân hàng Nhà nước xây dựng tỷ giá chính thức dựa trên một loạt các yếu tố sau:

- Biến động của chỉ số giá cả
- Tình hình cán cân thanh toán
- Mục tiêu của chính sách tiền tệ
- Biến động tỷ giá ngoại tệ ở thị trường tự do.

Cũng từ đó, giá chính thức được điều chỉnh một cách linh hoạt, không còn cố định trong một thời gian dài như trước đây nữa. Năm 1991 Ngân

hàng Nhà nước đã thành lập trung tâm giao dịch ngoại tệ ở TP.HCM và Hà Nội. Thành viên các trung tâm này là các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ và một số tổ chức nhập khẩu lớn. Việc mua bán ngoại tệ ở trung tâm được tổ chức theo hình thức đấu giá.

Việc kiểm soát trạng thái hối đoái của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại đã được quy định cụ thể là 15% so với vốn điều lệ. Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện cơ chế quản lý thị trường ngoại hối và điều tiết tỷ giá hối đoái thông qua các mệnh lệnh hành chính. Chính bằng những chỉ thị, quyết định hành chính như chỉ cho phép các tổ chức kinh tế được mở một tài khoản ngoại tệ, cấm buôn bán ngoại tệ một cách tự do, buộc các nhà xuất khẩu phải bán hết ngoại tệ thu được cho Nhà nước (trừ những khoản dành cho nhu cầu chi tiêu hợp lý) và khi có nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu thì có quyền mua lại đã góp phần ổn định thị trường hối đoái vốn nhiều biến động và rất khan hiếm trước đó.

Trong giai đoạn đầu, Ngân hàng Nhà nước đã khống chế bằng cách qui định vùng can thiệp (trên trên và trên dưới) thông qua việc công bố tỷ giá mua, bán ngoại tệ của mình với các ngân hàng. Bắt đầu từ 26.2.1999, Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi việc công bố tỷ giá chính thức của đồng VN với các ngoại tệ bằng cách hàng ngày, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng được xác định trên cơ sở tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của ngày giao dịch gần nhất trước đó. Như vậy, tỷ giá đã được hình thành trên cơ sở thị trường, dấu rằng hiện nay đây đó vẫn còn những thắc mắc liên quan đến cách tính tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng.

Để quản lý thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái, Ngân hàng Nhà nước có thể áp dụng, thi hành nhiều biện pháp khác nhau. Tuy nhiên, cần lưu ý một số biện pháp điều hành tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối như sau:

Cần tiến hành nghiên cứu, tổng kết kịp thời kinh nghiệm cải cách quản lý và điều chỉnh tỷ giá trong thời gian qua. Xây dựng cơ sở khoa học, phương pháp luận cho việc xác định tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá thực tế.

Thực tiễn thế giới cho thấy, sự biến động của thị trường tài chính quốc tế và các đồng tiền mạnh có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính tiền tệ của nước ta. Do đó, cần theo

đuổi, phân tích một cách có hệ thống động thái của thị trường tài chính quốc tế, từ đó xác định xu hướng phát triển của thị trường này trong tương lai để làm cơ sở tổ chức, điều hành, phát triển thị trường ngoại hối Việt Nam.

Cần khống chế mức lãi suất tiền gửi bằng nội tệ và ngoại tệ một cách thích hợp và điều tiết linh hoạt mức giá cả tương đối ở thị trường trong nước. Điều chỉnh chính sách thuế xuất nhập khẩu và hạn ngạch một cách hợp lý nhằm bảo hộ có chọn lọc sản xuất trong nước, tiến tới thực hiện cam kết và xóa bỏ hàng rào thuế quan, hội nhập các tổ chức khu vực như AFTA và quốc tế.

Khuyến khích cổ đông, tạo tâm lý cho từng người dân với phương châm "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam". Đồng thời, khuyến khích sản xuất trong nước, cải tiến tăng năng suất lao động bằng cách tích cực tiếp cận và đổi mới công nghệ, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Mạnh dạn và quyết tâm thực hiện triệt để chủ trương "Trên đất nước Việt Nam chỉ được dùng đồng tiền Việt Nam". Chủ trương này đã có từ lâu nhưng đến nay vẫn chưa triệt để. Nhiều nơi vẫn mua bán, trao đổi bằng USD.

Khống chế mức lạm phát trong nước. Lạm phát là nhân tố ảnh hưởng cùng chiều với tỷ giá hối đoái danh nghĩa của đồng nội tệ kéo theo sự giảm giá của đồng nội tệ (tỷ giá hối đoái tăng). Nếu không khống chế được lạm phát thì những diễn biến trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái là khó có thể kiểm soát được, dẫn đến những diễn biến ngoài mong muốn của Chính phủ trong việc quản lý ngoại hối và tỷ giá hối đoái.

Xây dựng thị trường tiền tệ, tài chính và hệ thống ngân hàng đủ mạnh để đảm bảo khả năng hòa nhập của VN vào cộng đồng tài chính khu vực và thế giới. Thiết lập thị trường hối đoái phù hợp với cơ chế thị trường; tự do hóa thị trường hối đoái VN để thị trường này phù hợp và hoà nhập với thị trường hối đoái quốc tế. Thị trường quốc gia không những thông suốt, mà thị trường trong nước hòa nhập và thông suốt với thị trường quốc tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường tiền tệ, thị trường vàng, thị trường hối đoái và thị trường chứng khoán.

Một chính sách quản lý ngoại hối chặt chẽ, có hiệu quả, chắc chắn là một yếu tố cơ bản để xây dựng và giữ vững sự phát triển ổn định của nền kinh tế Việt Nam ■